



[Liên hệ:](#)

Văn Phòng Luật Sư Tô Đình Huy
Địa chỉ: 441/15B Điện Biên Phủ, Phường
25, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0838991104 - 0978845617
Fax:
Tổng đài tư vấn: **1900 6279**
Email: info@luatsuhcm.com
Website: www.luatsuhcm.com

NỘI DUNG

Phần 1: Giao dịch dân sự vô hiệu theo Bộ Luật dân sự 2015

Phần 2: Tóm tắt điểm mới nổi bật của một số văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng

- 1. Các trường hợp được miễn lệ phí môn bài**
- 2. Thay đổi các quy định về lệ phí trước bạ**
- 3. Tăng mức lương tối thiểu vùng cho người lao động làm việc theo hợp đồng lao động**
- 4. Thay đổi các quy định về chế độ kế toán đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa**
- 5. Thay đổi quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính**

Phần 3: Danh mục các văn bản có hiệu lực trong tháng

Ấn phẩm được đăng tại:
Website: www.luatsuhcm.com



THS/Luật sư Tô Đình Huy

M: (+84) 987745617

E: info@luatsuhcm.com



Luật sư Nguyễn Thị Ngọc Dung

M: (+84-8)1688469097

E: dungnguyen@luatsuhcm.com

PHẦN 1: GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU THEO BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015

Khái niệm về giao dịch dân sự theo Bộ Luật dân sự 2015 (BLDS 2015) vẫn được giữ nguyên như Bộ Luật dân sự 2005 (BLDS 2005); điều kiện có hiệu lực của giao dịch cũng không khác biệt khi chỉ bổ sung chủ thể tham gia giao dịch phải có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự bên cạnh năng lực hành vi như trước đây. Tuy nhiên, với mục tiêu hướng đến sự ổn định các giao dịch, tôn trọng ý chí của các bên trong việc xác lập giao dịch, đảm bảo sự an toàn pháp lý ..., các điều kiện và trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu được quy định cụ thể và phù hợp hơn.

1. Giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự

Giao dịch dân sự do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện sẽ bị tuyên vô hiệu. BLDS 2015 bổ sung quy định làm rõ những trường hợp giao dịch do các đối tượng nêu trên xác lập vẫn có hiệu lực nhằm hướng tới vừa bảo vệ quyền lợi, vừa bảo đảm tôn trọng đầy đủ ý chí tự nguyện giao kết của các chủ thể này trong phạm vi năng lực họ có được.

Những trường hợp giao dịch sẽ không bị vô hiệu bao gồm: (i) *Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người*

đó; (ii) Giao dịch dân sự chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân

sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự với người đã xác lập, thực hiện giao dịch với họ; (iii) Giao dịch dân sự được người xác lập giao dịch thừa nhận hiệu lực sau khi đã thành niên hoặc sau khi khôi phục năng lực hành vi dân sự.

2. Giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn

Điều 131 BLDS 2005 quy định khi một bên có lỗi vô ý làm cho bên kia nhầm lẫn về nội dung của giao dịch dân sự mà xác lập giao dịch thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu bên kia thay đổi nội dung của giao dịch đó, nếu bên kia không chấp nhận thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu... Điều 126 BLDS 2015 bỏ yếu tố lỗi trong quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn bởi trường hợp lỗi cố ý theo quy định Điều 131 BLDS 2005 đã bị bãi bỏ bởi BLDS 2015 vì nhầm lẫn do lỗi cố ý thì người nhầm lẫn bị lừa dối và đã được quy định tại Điều 127 BLDS 2015. Do đó, lỗi dẫn đến nhầm lẫn trong giao kết hợp đồng là vô ý. Việc bỏ quy định về lỗi không đương nhiên là không xem xét lỗi bởi đây là yếu tố để phân biệt nhầm lẫn hay bị lừa dối.

Ngoài ra, Khoản 2 Điều 126 BLDS 2015 còn quy định bổ sung trường hợp giao dịch dân sự được xác lập có sự nhầm lẫn nhưng không vô hiệu nếu: (i) mục đích xác lập giao dịch dân sự của các bên đã đạt được hoặc (ii) các bên có thể khắc phục ngay được sự nhầm lẫn làm cho mục đích của việc xác lập giao dịch dân sự vẫn đạt được. Quy định này nhằm tôn trọng quyền tự do thỏa thuận của các bên trong trường hợp nhầm lẫn không gây ảnh hưởng tới kết quả, mục đích giao dịch.

3. Giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức

Theo Điều 134 Bộ Luật dân sự 2005, trường hợp pháp luật quy định hình thức là điều kiện có hiệu lực của giao dịch mà các bên không tuân thủ, Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác “quyết định buộc” các bên phải thực hiện về hình thức giao dịch trong thời hạn nhất định khi

có yêu cầu của một hoặc các bên; nếu không thực hiện thì giao dịch vô hiệu. Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện, quy định này thể hiện nhiều bất cập vì khi đã có tranh chấp, một bên không muốn tiếp tục thực hiện giao dịch thì việc buộc các bên hoàn thiện hình thức giao dịch là thiếu tính khả thi. Hơn nữa, thuật ngữ “quyết định buộc” trong ngữ cảnh này không mang tính cưỡng chế nên việc tuân thủ cũng hạn hữu. Do đó, nhiều trường hợp giao dịch được giao kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung không trái pháp luật và đã tiến hành thực hiện nhưng một bên không hợp tác, giao dịch bị vô hiệu. Giải quyết hậu quả giao dịch vô hiệu kéo theo nhiều hệ lụy.

BLDS 2015 vẫn ghi nhận hình thức là một điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo tinh thần của BLDS năm 2005. Tuy nhiên, quy định tại Điều 129 BLDS 2015 đã làm rõ cách thức xử lý trong trường hợp giao dịch vi phạm về hình thức, cụ thể: giao dịch vi phạm về hình thức thì vô hiệu, trừ trường hợp một hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì Tòa án quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch theo yêu cầu của một hoặc các bên và không phải thực hiện công chứng, chứng thực trong trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản có công chứng, chứng thực. Quy định này hướng đến tính tuân thủ pháp luật, đồng thời bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể xác lập quan hệ hợp đồng. Việc sửa đổi này đặc biệt đã tạo cơ chế để buộc bên thiếu thiện chí phải thực hiện đúng cam kết của mình vì tại thời điểm xác lập giao dịch, quyết định là do sự tự nguyện của họ. Quy định một cách cụ thể, rõ ràng cũng giúp hạn chế trường hợp tùy

tiện của các cơ quan thực thi pháp luật trong việc tuyên bố giao dịch vô hiệu.

4. Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu

BLDS 2005 quy định thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu là 02 năm kể từ ngày giao dịch được xác lập. Điều 132 BLDS 2015 quy định thời hiệu yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu chi tiết hơn về thời điểm tính thời hiệu 02 năm là kể từ ngày (i) Người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự biết hoặc phải biết người được đại diện tự mình xác lập, thực hiện giao dịch; (ii) Người bị nhầm lẫn, bị lừa dối biết hoặc phải biết giao dịch được xác lập do bị nhầm lẫn, do bị lừa dối; (iii) Người có hành vi đe dọa, cưỡng ép chấm dứt hành vi đe dọa, cưỡng ép; (iv) Người không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình xác lập giao dịch; (v) Giao dịch dân sự được xác lập trong trường hợp giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức.

Bộ Luật dân sự năm 2015 cũng bổ sung quy định: Hết thời hiệu mà không có yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu thì giao dịch dân sự có hiệu lực. Quy định này làm rõ hậu quả pháp lý của giao dịch trong trường hợp các bên không thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu trong thời hạn luật định, hạn chế tranh chấp.

5. Giao dịch vô hiệu đối với người thứ ba ngay tình

Điều 138 Bộ Luật dân sự 2005 chỉ bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình trong trường hợp họ nhận được tài sản là bất động sản hoặc

động sản phải đăng ký quyền sở hữu thông qua bán đấu giá hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó người này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị huỷ, sửa.

Đối với tài sản giao dịch mà không phải đăng ký quyền sở hữu, Bộ Luật dân sự 2015 vẫn giữ quy định của Bộ Luật dân sự 2005. Riêng đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, ngoài giữ quy định của Bộ Luật dân sự 2005, Điều 133 Bộ Luật dân sự 2015 tạo ra cơ chế pháp lý hài hòa, công bằng hơn trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cả người thứ ba ngay tình và của cả chủ sở hữu, tôn trọng quyền của chủ sở hữu trong giao lưu dân sự. Đồng thời quy định này cũng góp phần thúc đẩy việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và hiệu quả của công tác đăng ký tài sản. Cụ thể:

- (i) trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu;
- (ii) Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ người thứ ba ngay tình, nếu giao dịch dân sự với người này không bị vô hiệu nhưng có quyền khởi kiện, yêu cầu chủ thể có lỗi dẫn đến việc giao dịch được xác lập với người thứ ba phải hoàn trả những chi phí hợp lý và bồi thường thiệt hại, nếu có;
- (iii) Chủ sở hữu tài sản không có quyền khởi kiện đòi lại tài sản từ người thứ ba ngay tình trong trường hợp người thứ ba ngay tình

có được tài sản thông qua đấu giá hoặc quyết định/bản án của cơ quan có thẩm quyền. Quy định này giúp cơ quan tiến hành tố tụng giảm bớt áp lực về số vụ tranh chấp liên quan đến vấn đề nêu trên.

6. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu

Để giải quyết triệt để tranh chấp về giao dịch dân sự vô hiệu, Điều 131 Bộ Luật dân sự 2015 đã bổ sung các quy định xử lý giao dịch bị tuyên vô hiệu, cụ thể:

- i. Các bên trị giá thành tiền để hoàn trả nếu không thể hoàn trả được bằng hiện vật trong nghĩa vụ khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận;
- ii. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó;
- iii. Việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu liên quan đến quyền nhân thân do Bộ Luật dân sự 2015, luật khác có liên quan quy định.

Giải quyết thực tế không phải hậu quả nào cũng có thể khắc phục lại tình trạng ban đầu, những gì đã nhận vẫn còn tồn tại để hoàn trả nên việc trị giá thành tiền để hoàn trả đã được áp dụng để giải quyết hậu quả

khi tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu. Bộ Luật dân sự 2015 ghi nhận phương thức xử lý này góp phần tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để áp dụng.

Quy định nêu trên loại trừ trách nhiệm hoàn trả hoa lợi, lợi tức của bên thứ ba ngay tình xuất phát từ hiệu lực của giao dịch của người thứ ba ngay tình không bị tuyên vô hiệu như đã nêu tại mục 5.

Giải quyết hậu quả giao dịch vô hiệu liên quan đến quyền nhân thân, Bộ Luật dân sự 2015 không quy định chi tiết mà chỉ dẫn nguồn điều chỉnh. Do vậy, tùy vào trường hợp sẽ xem xét áp dụng quy định của các văn bản cụ thể hoặc đợi văn bản hướng dẫn cho quy định này.

Liên quan đến giao dịch dân sự vô hiệu và xử lý hậu quả pháp lý, Bộ Luật dân sự 2015 đã điều chỉnh, bổ sung nhiều quy định tiến bộ nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập về cả thực tế và quy định được nhận diện trong quá trình thực thi Bộ Luật dân sự 2005. Với những thay đổi này sẽ tạo cơ chế đảm bảo tính ổn định, hài hòa khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự và giải quyết tranh chấp (nếu có) trong thời gian tới.

PHẦN 2: ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

1. Các trường hợp được miễn lệ phí môn bài

Ngày 04/10/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 139/2016/NĐ-CP quy định về lệ phí môn bài, thay thế Nghị định 75/2002/NĐ-CP.

Nghị định 139/2016/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 quy định các trường hợp được miễn lệ phí môn bài là một điểm mới đáng chú ý.

Theo đó, các trường hợp được miễn lệ phí môn bài gồm:

- i. Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống; không thường xuyên; không có địa điểm cố định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- ii. Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình sản xuất muối; nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá.
- iii. Điểm bưu điện văn hoá xã; cơ quan báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử).
- iv. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã hoạt động dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- v. Quỹ tín dụng nhân dân xã; hợp tác xã chuyên kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã và của doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tại địa bàn miền núi. Địa bàn miền núi được xác định theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

Về mức thu lệ phí môn bài, Nghị định 139/2016/NĐ-CP thay đổi cách phân 4 mức và 6 mức thu của Nghị định 75/2002/NĐ-CP thành 03

mức đối với mỗi nhóm đối tượng. Nghị định 139/2016/NĐ-CP có các quy định cụ thể:

- i. Đối với tổ chức kinh doanh: a) Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng: 3.000.000 đồng/năm; b) Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 đồng/năm; c) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác: 1.000.000 đồng/năm.
- ii. Đối với cá nhân, hộ gia đình: a) Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm: 1.000.000 đồng/năm; b) Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 300 đến 500 triệu đồng/năm: 500.000 đồng/năm; c) Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm: 300.000 đồng/năm.

2. Thay đổi các quy định về lệ phí trước bạ

Ngày 10/10/2016, Chính phủ ban hành Nghị định 140/2016/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ thay thế Nghị định 45/2011/NĐ-CP. Nghị định 140/2016/NĐ-CP được áp dụng từ ngày 01/01/2017 có các quy định đáng chú ý sau:

Bổ sung các trường hợp được miễn lệ phí trước bạ, gồm:

- i. Tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải chuyển sang thuê

đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của Luật đất đai.

- ii. Phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch.

Căn cứ tính lệ phí trước bạ là giá tính lệ phí trước bạ và mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%). Nghị định 140/2016/NĐ-CP có quy định cụ thể cách xác định giá tính lệ phí trước bạ cho từng loại đối tượng cụ thể. Bộ Tài chính sẽ ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy; Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất là giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành và một số trường hợp ngoại lệ.

Các quy định về chế độ khai, thu, nộp và quản lý lệ phí trước bạ được quy định cụ thể tại Nghị định 140/2016/NĐ-CP thay thế các quy định liên quan của Nghị định 83/2013/NĐ-CP.

3. Tăng mức lương tối thiểu vùng cho người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

Ngày 14/11/2016 Chính phủ ban hành Nghị định 153/2016/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017) quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.

Theo quy định, mức lương tối thiểu vùng được điều chỉnh tăng từ 180.000 đồng – 250.000 đồng, cụ thể gồm các mức: Mức 3.750.000 đồng/tháng; Mức 3.320.000 đồng/tháng; Mức 2.900.000 đồng/tháng;

Mức 2.580.000 đồng/tháng, tương ứng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I, II, III, IV.

Đối với người lao động làm công việc đòi hỏi người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề, mức lương phải cao hơn ít nhất 7% mức lương tối thiểu vùng.

Bên cạnh đó, Nghị định có sự điều chỉnh một số địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng, cụ thể:

- i. Huyện Tân Thành thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chuyển Vùng I;
- ii. TP. Sông Công, Thị xã Phổ Yên thuộc tỉnh Thái Nguyên chuyển Vùng II;
- iii. TP. Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam chuyển Vùng II;
- iv. TP. Trà Vinh thuộc tỉnh Trà Vinh chuyển Vùng II;
- v. Huyện Quế Sơn, Thăng Bình thuộc tỉnh Quảng Nam chuyển Vùng III;
- vi. Thị xã Duyên Hải thuộc tỉnh Trà Vinh chuyển Vùng III;
- vii. Huyện Giang Thành thuộc tỉnh Kiên Giang chuyển Vùng IV.

4. Thay đổi các quy định về chế độ kế toán đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Ngày 26/8/2016, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (bao gồm cả doanh nghiệp siêu nhỏ) thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trừ doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã. Thông tư có các điểm đáng chú ý sau:

- (i) Thông tư quy định các loại tài khoản: 111 - Tiền mặt; 112 - Tiền gửi ngân hàng; 121 - Chứng khoán kinh doanh; 128 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; 131 - Phải thu của khách hàng; 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ; 136 - Phải thu nội bộ; 138 - Phải thu khác; 141 - Tạm ứng; 151 - Hàng mua đang đi đường; 152 - Nguyên liệu, vật liệu; 153 - Công cụ, dụng cụ ...
- (ii) Bãi bỏ các quy định bắt buộc đối với sổ sách kế toán và chứng từ. Doanh nghiệp vừa và nhỏ được tự xây dựng hệ thống sổ sách và chứng từ phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- (iii) Doanh nghiệp được tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán, được lựa chọn biểu mẫu báo cáo tài chính theo tính thanh khoản giảm dần hoặc là phân biệt dài hạn, ngắn hạn theo truyền thống.

- (iv) Quy định tách bạch thuế và kế toán, các quy định tách biệt chi phí, lợi nhuận kế toán, doanh thu so với doanh thu tính thuế TNDN, thuế GTGT và thu nhập chịu thuế, chi phí được trừ.

5. Thay đổi quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính

Ngày 21/11/2016, Chính phủ ban hành Nghị định 156/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính. Nghị định có hiệu lực từ ngày 10/01/2017, sửa đổi quy định liên quan việc sử dụng chữ ký số, cụ thể:

- i. Bãi bỏ quy định cơ quan tài chính và tổ chức, cá nhân có tham gia giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính với cơ quan tài chính phải sử dụng chữ ký số.
- ii. Nghị định quy định các loại chứng thư số sử dụng để ký số trong hoạt động tài chính, gồm 4 loại: (i) Chứng thư số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; (ii) chứng thư số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; (iii) chứng thư số nước ngoài được công nhận; (iv) chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam; chứng thư số nước ngoài được chấp nhận trong giao dịch quốc tế.

- iii. Cơ quan tài chính tham gia giao dịch điện tử có ràng buộc bởi điều ước quốc tế về chữ ký số mà Việt Nam là thành viên thì phải thực hiện theo điều ước quốc tế đó.
- iv. Bộ Tài chính quy định cụ thể các giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính bắt buộc phải sử dụng chữ ký số

Đồng thời, Nghị định bãi bỏ các quy định liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng; một số trách nhiệm, quyền hạn của Bộ tài chính liên quan đến hoạt động quản lý.

PHẦN 3: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

1. Luật Kế toán của Quốc hội số 88/2015/QH13, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
2. Bộ luật Dân sự của Quốc hội số 91/2015/QH13, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
3. Luật Phí và lệ phí của Quốc hội số 97/2015/QH13, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
4. Luật Báo chí của Quốc hội số 103/2016/QH13, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
5. Luật Dược của Quốc hội số 105/2016/QH13, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
6. Luật Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư của Quốc hội số 03/2016/QH14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
7. Nghị quyết 28/2016/QH14 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

8. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

9. Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về việc ký Bản ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Indonesia về hợp tác Biển và Nghề cá, có hiệu lực từ ngày 06/01/2017;

10. Nghị định 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

11. Nghị định 139/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

12. Nghị định 140/2016/NĐ-CP của Chính phủ về lệ phí trước bạ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

13. Nghị định 144/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với Thành phố Đà Nẵng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

14. Nghị định 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

15. Nghị định 153/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

16. Nghị định 154/2016/NĐ-CP của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

17. Nghị định 156/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính, có hiệu lực từ ngày 10/01/2017;

18. Nghị định 157/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh, có hiệu lực từ ngày 15/01/2017;

19. Nghị định 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 15/01/2017;

20. Nghị định 164/2016/NĐ-CP của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

21. Nghị định 174/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

22. Thông tư 06/2016/TT-BNV của Bộ Nội vụ về việc quy định chế độ thông tin, báo cáo công tác ngành Nội vụ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

23. Thông tư 06/2016/TT-BNG của Bộ Ngoại giao về việc hướng dẫn thực hiện Điều 15 tại Nghị định 17/2014/NĐ-CP ngày 11/03/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Ngoại giao, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

24. Thông tư 10/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi một số điều của Thông tư 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 15/03/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 79/2012/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

25. Thông tư 11/2016/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn đăng ký cơ sở pha chế khí, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

26. Thông tư 11/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

27. Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

28. Thông tư 24/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực từ ngày 04/01/2017;

29. Thông tư 24/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng, có hiệu lực từ ngày 16/01/2017;

30. Thông tư 25/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc quy định hệ thống điện truyền tải, có hiệu lực từ ngày 16/01/2017;

31. Thông tư 25/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực từ ngày 30/01/2017;

32. Thông tư 26/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải Nghệ An, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

33. Thông tư 26/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết

kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 25/01/2017;

34. Thông tư 27/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 20/01/2017;

35. Thông tư 28/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2016 và năm 2017 với thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ Campuchia, có hiệu lực từ ngày 18/01/2017;

36. Thông tư 31/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 24/2015/TT-NHNN ngày 08/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

37. Thông tư 32/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2014/TT-BGTVT ngày 25/02/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định quy trình thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính; công tác lập kế hoạch, chế độ báo cáo và quản lý nội bộ của Thanh tra ngành Giao thông Vận tải, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

38. Thông tư 32/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

39. Thông tư 33/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2015/TT-BCT ngày 28/10/2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

40. Thông tư 33/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

41. Thông tư 34/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu của thanh tra viên, cán bộ, công chức cơ quan thanh tra Nhà nước và công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

42. Thông tư 34/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định khung giá dịch vụ sử dụng phà thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do Trung ương quản lý, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

43. Thông tư 35/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh do Bộ Giao thông Vận tải quản lý, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

44. Thông tư 35/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định quy trình công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực từ ngày 16/01/2017;

45. Thông tư 36/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, có hiệu lực từ ngày 26/01/2017;

46. Thông tư 37/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

47. Thông tư 38/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

48. Thông tư 39/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

49. Thông tư 41/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

50. Thông tư 42/2016/TT-BYT của Bộ Y tế quy định việc thừa nhận kết quả phân loại trang thiết bị y tế, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

51. Thông tư 42/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vận hành, bảo trì đường sắt đô thị, có hiệu lực từ ngày 15/01/2017;

52. Thông tư 51/2016/TT-BYT của Bộ Y tế về việc quy định giá cụ thể đối với dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập sử dụng ngân sách Nhà nước, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

53. Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

54. Thông tư 138/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lên bờ cho thuyền viên nước ngoài, giấy phép xuống tàu nước ngoài, giấy phép cho người điều khiển phương tiện Việt Nam cập mạn tàu nước ngoài và giấy phép cho người Việt Nam và người nước ngoài thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch có liên quan đến tàu, thuyền nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

55. Thông tư 143/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

56. Thông tư 145/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 11, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

57. Thông tư 146/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bay qua vùng trời Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

58. Thông tư 148/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

59. Thông tư 150/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

60. Thông tư 156/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

61. Thông tư 157/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

62. Thông tư 158/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác Phần mềm Tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

63. Thông tư 159/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

64. Thông tư 160/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

65. Thông tư 161/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

66. Thông tư 162/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện áp dụng tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

67. Thông tư 163/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Bảo tàng Lịch sử quốc gia, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

68. Thông tư 164/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu để công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

69. Thông tư 165/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

70. Thông tư 167/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

71. Thông tư 168/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

72. Thông tư 169/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

73. Thông tư 170/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

74. Thông tư 171/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép quy hoạch, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

75. Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

76. Thông tư 177/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên; lệ phí cấp phép

đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

77. Thông tư 178/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, phân hạng cơ sở lưu trú du lịch và phí thẩm định, phân hạng cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

78. Thông tư 181/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

79. Thông tư 182/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan di tích lịch sử Dinh Độc Lập, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

80. Thông tư 183/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

81. Thông tư 184/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

82. Thông tư 185/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đủ điều

kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

83. Thông tư 186/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học biến đổi gen, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

84. Thông tư 187/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

85. Thông tư 188/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

86. Thông tư 189/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

87. Thông tư 190/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

88. Thông tư 191/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

89. Thông tư 192/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển và cấp lý lịch liên tục của tàu biển, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

90. Thông tư 193/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

91. Thông tư 194/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí hải quan và lệ phí ra, vào cảng hàng không, sân bay đối với chuyến bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

92. Thông tư 195/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

93. Thông tư 196/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

94. Thông tư 197/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

95. Thông tư 198/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

96. Thông tư 199/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

97. Thông tư 200/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, kinh phí cưỡng chế thi hành án dân sự, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

98. Thông tư 201/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng về việc quy định danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghề nghiệp của viên chức quốc phòng, có hiệu lực từ ngày 21/01/2017;

99. Thông tư 201/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch, lệ phí cấp giấy phép lái xe trong Công an nhân dân, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

100. Thông tư 202/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

101. Thông tư 203/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

102. Thông tư 204/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Bảo tàng Yersin, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

103. Thông tư 205/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

104. Thông tư 206/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan các Vườn quốc gia Bạch Mã, Cúc Phương, Ba Vì, Tam Đảo, Yokdon, Cát Tiên, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

105. Thông tư 207/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

106. Thông tư 208/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí tên miền quốc gia ".vn" và địa chỉ Internet (IP) của Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

107. Thông tư 209/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

108. Thông tư 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

109. Thông tư 211/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đến tác giả, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

110. Thông tư 212/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

111. Thông tư 214/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

112. Thông tư 215/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

113. Thông tư 216/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

114. Thông tư 217/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của cá nhân, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

115. Thông tư 218/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ

phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

116. Thông tư 219/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

117. Thông tư 220/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

118. Thông tư 221/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề đấu giá tài sản, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

119. Thông tư 222/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực trọng tài thương mại, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

120. Thông tư 223/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

121. Thông tư 224/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

122. Thông tư 225/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

123. Thông tư 226/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

124. Thông tư 227/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

125. Thông tư 228/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

126. Thông tư 229/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

127. Thông tư 230/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

128. Thông tư 231/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

129. Thông tư 232/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số mã vạch, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

130. Thông tư 233/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

131. Thông tư 234/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng tàu biển, công trình biển; sản phẩm công nghiệp lắp đặt trên tàu biển, công trình biển; đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận lao động hàng hải, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

132. Thông tư 235/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thử nghiệm khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe ô tô con từ 07 chỗ ngồi trở xuống sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

133. Thông tư 236/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và

bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

134. Thông tư 237/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

135. Thông tư 238/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

136. Thông tư 239/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thử nghiệm, kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng, linh kiện trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

137. Thông tư 240/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

138. Thông tư 241/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

139. Thông tư 242/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh

doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

140. Thông tư 243/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

141. Thông tư 244/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

142. Thông tư 245/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

143. Thông tư 246/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

144. Thông tư 247/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

145. Thông tư 248/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

146. Thông tư 249/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

147. Thông tư 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

148. Thông tư 251/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý việc cạnh tranh, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

149. Thông tư 256/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

150. Thông tư 257/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

151. Thông tư 258/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

152. Thông tư 259/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ tài liệu, lệ phí cấp giấy phép hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

153. Thông tư 260/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

154. Thông tư 263/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

155. Thông tư 264/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

156. Thông tư 265/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

157. Thông tư 267/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

158. Thông tư 268/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

159. Thông tư 269/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an toàn thông tin, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

160. Thông tư 270/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan trung ương thực hiện, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

161. Thông tư 271/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

162. Thông tư 272/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

163. Thông tư 273/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

164. Thông tư 274/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

165. Thông tư 275/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

166. Thông tư 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

167. Thông tư 278/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

168. Thông tư 279/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

169. Thông tư 280/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

170. Thông tư 281/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

171. Thông tư 282/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định khung giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho thực vật, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

172. Thông tư 283/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017; Thông tư 297/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc cấp, quản lý và sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

173. Thông tư 284/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

174. Thông tư 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

175. Thông tư 286/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

176. Thông tư 287/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

177. Thông tư 288/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

178. Thông tư 289/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

179. Thông tư 290/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

180. Thông tư 291/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động buru chính, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

181. Thông tư 292/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

182. Thông tư 293/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

183. Thông tư 294/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

184. Thông tư 295/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

185. Thông tư 296/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

186. Thông tư 298/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

187. Thông tư 299/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

188. Thông tư 300/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

189. Thông tư 301/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

190. Thông tư 302/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí môn bài, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

191. Thông tư 303/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

192. Thông tư 304/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

193. Thông tư 305/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

194. Thông tư 306/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2015/TT-BTC ngày 03/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cơ chế huy động, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ công tác phòng, chống buôn lậu thuốc lá điều và chống sản xuất, buôn bán thuốc lá giả, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

195. Thông tư 307/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

196. Thông tư 309/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 146/2013/TT-BTC ngày 22/10/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

197. Thông tư 312/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 10/01/2017;

198. Thông tư 314/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều tại Nghị định 24/2016/NĐ-CP ngày 05/04/2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ Nhà nước, có hiệu lực từ ngày 15/01/2017;

199. Thông tư 315/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực từ ngày 15/01/2017;

200. Thông tư 326/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

Hi vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ info@luatsuhcm.com.

Trong trường hợp Quý khách hàng muốn tìm hiểu các bản tin khác của chúng tôi, xin vui lòng truy cập mục Bản tin pháp luật trên trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.luatsuhcm.com.